

Bản án số: 15/2024/HS-PT

Ngày: 18-01-2024.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tố Như.

*Các Thẩm phán:* Ông Mai Nam Tiến

Ông Phạm Trường Du

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:*

Bà Lê Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 315/2023/TLPT-HS ngày 13 tháng 12 năm 2023 do Bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2023/HS-ST ngày 06/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXPT-HS ngày 02/01/2024, đối với:

*\* Bị cáo có kháng cáo họ và tên:*

1. **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1988; ĐKKHKT: Tổ dân phố T, phường TS, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở: Tổ dân phố VS, phường TS, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bố: Nguyễn Minh B; Mẹ: Hà Thị X. Bố, Mẹ bị cáo sinh được 03 người con, P là con thứ ba trong gia đình; Chồng: Nguyễn Văn L, Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 30/5/2023. Hiện có mặt tại phiên tòa.

Luật sư bảo vệ cho bị cáo Nguyễn Thị P: Ông Hoàng Văn Loan, là Luật sư của Công ty Luật TNHH An Dân tại Sầm Sơn - Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số nhà 187 đường Lê Lợi, phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. **Lê Thị N**, sinh năm 1990; ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố LC, phường BS, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bố: Lê Văn C; Mẹ: Cao Thị N; Bố, Mẹ bị cáo sinh được 03 người con, N là con đầu; Chồng: Nguyễn Hữu T, Có 4 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 17/7/2023. Hiện có mặt tại phiên tòa.

*- Bị hại có kháng cáo, họ và tên:* Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; Địa

chỉ: Tổ dân phố MC, phường QC, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

Luật sư bảo vệ cho bị hại: Ông Nguyễn Công Hiếu, là Luật sư của Công ty Luật TNHH TECHCO; Địa chỉ: Số 31 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ chồng là Nguyễn Văn L có quan hệ tình cảm nam nữ với Nguyễn Thị H ở số nhà X đường NQ, thuộc tổ dân phố MC, phường QC, thành phố S, nên khoảng 10 giờ 30 phút ngày 28/3/2023, Nguyễn Thị P điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 36B1 - 108.50 tìm đến nhà H để nói chuyện. Trên đường đi đến gần khu vực chợ thuộc phường BS, P gặp bạn là Lê Thị N rủ đi cùng, P nói với N “Đi đây với chị một tý”, N hỏi lại “đi lâu không?”, P trả lời “đi một tí thôi”. Ng đồng ý, điều khiển xe chở Ph tìm đường đến nhà chị H.

Khoảng gần 12 giờ, P và N vào nhà thấy H đang ở phòng khách, P mở điện thoại di động của mình cho H xem hình ảnh của H và hỏi “Ảnh này có phải của chị không?”, H trả lời “ừ ảnh này tôi đăng trên zalo”, P hỏi tiếp “Thật không?”, H trả lời “Thật”. Nghe xong, P dùng tay chân đánh vào mặt, vào người, túm tóc đập đầu H vào tường, vừa đánh P vừa tra hỏi về nội dung tin nhắn tình cảm giữa H và L, H giải thích và xin lỗi nhưng P không nghe mà yêu cầu H quỳ xuống nền nhà, dùng tay đánh và tiếp tục hỏi H về mối quan hệ với L. Lúc này, do sợ vì chỉ có một mình ở nhà nên H lấy lý do xin đi vệ sinh rồi vào bên trong chốt cửa. Ngay sau đó, P đập cửa yêu cầu H ra ngoài, H không ra P dùng chân đạp cửa làm bung tấm tôn cánh cửa nhà vệ sinh rồi mở cửa đi vào hỏi “Mày có tin tao đánh mày trong nhà vệ sinh đó luôn không?”, H nói lại “Tôi đã nói với chị rồi mà chị vẫn không buông tha”. Thấy vậy, N đi lại nói với H “Chị ra ngoài nói chuyện cho xong đi” nhưng H không nghe, N nói tiếp “Chị không ra tôi túm cổ chị ra bây giờ”, nghe xong H đi ra phòng khách. Tại phòng khách, P tiếp tục tra hỏi nhưng H không thừa nhận có quan hệ nam nữ với L. Sau đó, P yêu cầu H về nhà P gặp chồng P (tức L) để nói chuyện nhưng H không đồng ý. Lúc này, P gọi điện cho Lê Trung M là lái xe taxi, nói “Anh đến số nhà X đường NQ chở em về nhà” M đồng ý. P điều khiển xe máy đi ra ngoài đón xe và chỉ đường cho M điều khiển xe taxi dừng trước số nhà X đường NQ. Thấy xe taxi đến, Nguyệt túm tay kéo H từ cửa nhà xuống vỉa hè đường NQ. P dựng xe máy, đi lại mở cửa sau bên trái xe taxi, N dùng tay kéo, P dùng tay đẩy H vào ghế sau rồi lên xe ngồi cạnh H, yêu cầu M khoá cửa xe và đi về nhà hàng LP ở tổ dân phố VS, phường TS, thành phố S. Lúc này, N điều khiển xe máy Honda Air Blade biển kiểm soát 36B1 - 108.50 đi về chợ BS lấy thức ăn đem về nhà.

Trên đường chở P và H về nhà hàng LP, khi đi được khoảng 50m đến 100m, M quan sát qua gương chiếu hậu thấy P có vẻ mặt khó chịu nên hỏi “Sao nhìn mặt căng thế”, P trả lời “Mẹ, nó đi cặp bồ với con đĩ già”, M nói lại “Thôi cứ bình tĩnh mà giải quyết” rồi tiếp tục điều khiển xe đi về nhà hàng LP. Đến khu vực gần hòn Trống Mái thuộc địa phận núi Trường Lệ, phường Trường Sơn,

thành phố S, H lấy điện thoại ra gọi cho người thân thì P giăng co điện thoại không cho nói chuyện. Khoảng 12h15' cùng ngày, Minh điều khiển xe taxi về đến nhà hàng LP thì P xuống xe mở cửa túm tóc kéo H vào phòng ngủ cuối hành lang tầng 1 của nhà hàng tiếp tục to tiếng chửi bới, hỏi về việc quan hệ với L đồng thời bắt H quỳ xuống nền nhà, dùng tay tát vào mặt, lấy điện thoại của H để kiểm tra tin nhắn và không cho gọi điện về nhà. M thấy vậy, nên can ngăn thì bị P đẩy ra khỏi phòng. Lúc này, N đến và cùng M can ngăn nhưng P không nghe, khoá cửa phòng nhốt H lại. Khoảng 10 phút sau, P quay lại mở cửa phòng đi vào trả điện thoại cho H rồi tiếp tục chửi bới, tra hỏi. Thấy mở cửa nên N lấy chổi đi vào phòng quét dọn.

Do thời điểm này nhà hàng đang có khách, không muốn sự việc P chửi bới gây ồn ào ảnh hưởng đến khách nên sau khi quét rác trong phòng ra ngoài, N cài khoá cửa để P và H ở bên trong rồi ra ngoài đi đổ rác. Lúc sau, N quay vào phòng khuyên H nhận lỗi và xin lỗi P để về nhưng không được nên đi ra ngoài cài khoá cửa để P và H ở trong phòng. Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, Cao Thị T (em họ P) đến nhà hàng LP chơi, đi vào phòng tìm gặp P, trong lúc P đang nói chuyện với T thì N vào đưa H ra ngoài đồng thời cài khoá cửa để P và T bên trong phòng. Sau khi đưa H ra khỏi phòng, N gọi điện cho M đến chở N và H, đi về đến nhà N xuống xe, còn M tiếp tục chở chị H về nhà.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo P, N bồi thường thiệt hại tổng số tiền: 378.342.842 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2023/HS-ST ngày 06/11/2023, Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định:

*Áp dụng:* Khoản 1 Điều 157; Các điểm i, s khoản 1 Điều 51; 17; 50; 58; 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị P và Lê Thị N. Khoản 2 Điều 136; 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584; 585; 587; 589; 590; 592; 357 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/ 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên bố:* Các bị cáo Nguyễn Thị P và Lê Thị N phạm tội: Bắt, giữ người trái pháp luật.

*Xử phạt:* Nguyễn Thị P 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Xử phạt:* Lê Thị N 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Nguyễn Thị P, phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị H, số tiền 21.547.824 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn Quyết định án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 16/11/2023 bị cáo Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo không giam giữ, giảm mức bồi thường dân sự đối với bị hại.

Ngày 20/11/2023 (trong hạn luật định) bị cáo Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/11/2023 bị hại kháng cáo đề nghị sửa bản án theo hướng tăng hình phạt và áp dụng hình phạt tù đối với cả hai bị cáo. Buộc bị cáo P phải bồi thường số tiền: 378.342.842đ .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về hình thức: Bị cáo Nguyễn Thị P, Lê Thị N, bị hại Nguyễn Thị H nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điểm b khoản 2 Điều 357 BLTTHS: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và bị hại về phần trách nhiệm hình sự; Giữ nguyên hình phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Thị P, 06 tháng tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Lê Thị N về tội: Bắt, giữ người trái pháp luật.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H với tổng số tiền là: 27.577.824đ

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo P: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không chấp nhận mức bồi thường như bị hại yêu cầu.

Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Đề nghị HĐXX tăng hình phạt, áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Phương, bị cáo N và buộc bị cáo P phải bồi thường cho bị hại số tiền: 202.342.824 đồng.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị P, Lê Thị N, bị hại Nguyễn Thị H nộp trong thời hạn luật định hợp lệ, được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 28/3/2023 tại số nhà X đường NQ, tổ dân phố MC, phường QC, thành phố S và tại nhà hàng của bị cáo P, thuộc tổ dân phố VS, phường TS, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, các bị cáo P và N đã có hành vi chửi bới, tra hỏi, dùng tay đánh và bắt giữ chị H trong thời gian khoảng 45 phút, sau đó được mọi người can ngăn và bị cáo Nguyệt gọi xe taxi đưa chị H trở về nhà chị H. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị P và Lê Thị N về tội: Bắt, giữ người trái pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 157 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị P và Lê Thị N xin giảm nhẹ hình phạt; Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Thị P và Lê Thị N đã có hành vi bắt, giữ chị Nguyễn Thị H trong khoảng thời gian từ khoảng 12 giờ 30

phút đến 13 giờ 15 phút ngày 28/3/2023 nhằm buộc chị Nguyễn Thị H phải xác nhận mối quan hệ không trong sáng giữa chị H và anh Nguyễn Văn L (chồng bị cáo P).

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó cần xử lý nghiêm trước pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện mang tính đồng phạm giản đơn. Bị cáo P giữ vai trò đầu của vụ án, Lê Thị N là người thực hiện hành vi tích cực nên vai trò thứ hai. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, i khoản 1 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 BLHS.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo không giam giữ của bị cáo P. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo P xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới là tự nguyện bồi thường một phần chi phí thiệt hại cho bị hại và nộp đủ tiền xử phạt hành chính. Do đó bị cáo được xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Mặc dù bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS nhưng xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền tự do cá nhân, quyền bất khả xâm phạm về thân thể là quyền cơ bản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên không chấp nhận

Xét kháng cáo giảm mức bồi thường dân sự cho bị hại: Tại cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền là: 21.547.824 đồng là phù hợp thực tế nên không có căn cứ để chấp nhận.

Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị N: Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới so với cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá. Do đó, xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng và nhân thân để xử phạt bị cáo với các mức hình phạt tù cho hưởng án treo là phù hợp. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị H: Tại cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho hai bị cáo P và N là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận tăng hình phạt và áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với hai bị cáo.

Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị H yêu cầu buộc bị cáo P bồi thường số tiền: 202.342.824 đồng là không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ, lý do không chấp nhận như bản án sơ thẩm đã phân tích.

Cấp sơ thẩm chưa tính tiền mất thu nhập cho bị hại, tiền xe từ viện về nhà, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho bị hại, tiền mất thu nhập cho người chăm sóc 300.000 đồng/ngày chưa phù hợp, nên cần sửa án sơ thẩm như sau:

- Tiền viện phí là 342.824đ
- Tiền thuốc ngày 29/3/2023 là: 3.235.000đ
- Tiền thuốc ngày 29/4/2023 là 1.020.000đ

- Tiền thuê xe là 300.000đ
- Bồi thường tổn thất tinh thần: 1.800.000đ/tháng x 08 tháng = 14.400.000đ
- Tiền cửa phòng vệ sinh là 300.000đ
- Tiền mất thu nhập là 500.000 đ/ngày x 7 ngày = 3.500.000đ
- Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 140.000đ/ngày x 7 ngày = 980.000đ
- Tiền công chăm sóc 500.000đ x 7 ngày = 3.500.000đ

Tổng cộng là: 27.577.824đ

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo P đã bồi thường cho chị H số tiền: 11.000.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0006690 ngày 24/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S. Cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền: 16.577.824 đ.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4]. Án phí phúc thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận. Các bị cáo, bị hại không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì sửa một phần án sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điểm b khoản 2 Điều 357 BLTTHS.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị H, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2023/HS-ST ngày 06/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa về phần bồi thường dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị P, Lê Thị N và bị hại Nguyễn Thị H về phần hình phạt. Giữ nguyên quyết định về phần hình phạt của Bản án án hình sự sơ thẩm số: 67/2023/HS-ST ngày 06/11/2023, Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2]. Căn cứ: Khoản 1 Điều 157; điểm b (đối với Nguyễn Thị P), các điểm i, s khoản 1 Điều 51; 58; 65 của BLHS; Khoản 2 Điều 136; 331; 333 BLTTHS. Khoản 1 Điều 584; Khoản 1 Điều 585; Khoản 1 Điều 589; 590 BLDS ; Điểm b khoản 2 Điều 23; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị P và Lê Thị N phạm tội: Bắt, giữ người trái pháp luật.

[3]. Xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Thị P 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Bị cáo Lê Thị N 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị P phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H, số tiền: 16.577.824 đ (mười sáu triệu năm trăm bảy bảy nghìn tám trăm hai bốn đồng). Chị Nguyễn Thị H được nhận số tiền

11.000.000đ (mười một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0006690 ngày 24/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

[5]. Án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị P và Lê Thị N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

\* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND CA tỉnh Thanh Hóa;
- VKS, TA, THAHS TP Sầm Sơn;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- T.H.ADS TP Thanh Hóa;
- Các bị cáo; Bị hại;
- Lưu H.sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**  
**(Đã ký)**

**Lê Thị Tố Như**